TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2020.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn N Anh.

2. Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang TuY – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện V, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Phùng Cỏng S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ 2, khu phố 7, thị trần V, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị N, anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị N trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2015. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không chăm lo gia đình, ăn chơi, cờ bạc. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S vẫn không thay đổi, hai vợ chồng đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng ly thân từ 2017 cho đến nay. Vào tháng 7/2019 chị có

nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S, tại Tòa án nhưng anh S cam kết sửa đổi, yêu cầu chị cho cơ hội nên chị rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn cho cơ hội nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn.

Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

-Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Phùng Hải Y, sinh ngày 21/11/2016. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Về cấp dưỡng nuôi con tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh S cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng. Ngày 20/02/2020 chị thay đổi nội dung yêu cầu không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai bị đơn anh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn với nhau nguyên nhân do chị N bỏ bê gia đình và hai vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Phùng Hải Y, sinh ngày 21/11/2016. Khi ly hôn anh có nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho quá trình xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Đối với cháu Y giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Anh Phùng Cỏng S cư trú tại: tổ 2, khu phố 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn anh S đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh S nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh S xảy ra từ năm 2017 đến nay, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng chị N và anh S đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hai vợ chồng anh ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị N xin ly hôn thì anh không đồng ý. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân với nhau cho đến nay anh cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng anh khắc phục mâu thuẫn với nhau. Chị N đã nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn sau đó cũng tạo điều kiện để hai vợ chồng hòa giải, giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không giải quyết được. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng anh S vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ anh S không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị N và anh S có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, không qua lại, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hai bên gia đình có khuyên bảo nhưng không có kết quả.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh S.

[4]Về con chung: Hai vợ chồng chị N và anh S có 01 con chung là Phùng Hải Y, sinh ngày 21/11/2016. Ly hôn chị N và anh S đều xin trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, căn cứ biên bản xác minh tại địa phương thể hiện anh S hiện tại làm lao động tự do, ai thuê làm gì thì đi làm đó, không có công việc và thu nhập không ổn định. Trong khi đó chị N có việc làm thu nhập ổn định, cháu Y sống chung với chị N từ nhỏ đến nay, ngoài ra còn có bố mẹ chị N phụ giúp.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xác định chị N là người đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Y nên chấp nhận giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]Về tài sản chung: Chị N và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh S trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7]Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị Kim N.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Phùng Cỏng S.

-Về con chung: Có 01 con chung là Phùng Hải Y, sinh ngày 21/11/2016. Ly hôn giao cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002285 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**